

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 24 - 6 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm 1988. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: N, C1, Cẩm Giàng, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H1 và bà Phạm Thị L; Có vợ Nguyễn Thị Kim D và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 07/4/2020 bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh, giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Cao C, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: V, H1, Đồng Hỷ, Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Ninh Thị M; Có vợ Bùi Thị B1 và 02 con, con lớn sinh 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1990
Địa chỉ: H2, Chí Linh, Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/12/2019, Lê Văn H nhận được điện thoại của bạn tên là Tuấn (thuê bao số 0366.689.018) gọi đến điện thoại di động Samsung Galxy J4, có sim thuê bao số 0961.242.368 của H nhờ mua pháo hộ. H đồng ý và điện thoại đến số điện thoại thuê bao số 0969.785.171 của bạn là Trần Cao C hỏi mua pháo, C nói còn 07 giàn pháo hoa và 03 bánh pháo tép, giá bán là 800.000đ/ 01 giàn pháo hoa và 600.000đ/ 01 bánh pháo tép. H gọi cho Tuấn thông báo lại giá, Tuấn đồng ý mua hết và bảo H là Tuấn đang chơi ở thành phố Chí Linh, khi H đi qua Tuấn sẽ đưa tiền cho H đi lấy pháo rồi chở về thị xã Kinh Môn giao cho Tuấn sẽ trả tiền xe và tiền công (cụ thể trả bao nhiêu tiền thì Tuấn chưa nói rõ). H gọi điện lại cho C hẹn gặp nhau tại huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để mua bán pháo và nhờ C mua hộ mấy cân chè. Sau đó H đi đến thành phố Hải Dương thuê xe ô tô biển số 34A-228.37 của Nguyễn Văn D2 điều khiển chở đi Thái Nguyên (D2 không biết H đi mua pháo). Khi đi đến thành phố Chí Linh, H điện thoại cho Tuấn để lấy tiền đi mua pháo. Tuấn chỉ dẫn H đi đến gặp Tuấn đứng ở rìa đường Quốc lộ 37; khi gặp nhau Tuấn đưa cho H số tiền 9.000.000đ và bảo lấy pháo về Kinh Môn sẽ đưa thêm H tiền. Trên đường đi H đưa cho D2 1.000.000đ để ứng trả tiền xe trước.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày đến xã H1, huyện Đông Hỷ, H điện thoại cho C, C chỉ dẫn H đi đến gặp C rồi cùng nhau đi ăn cơm trưa và gọi bạn là Lưu Anh Tuấn đến ăn cùng (D2 không ăn cùng). Quá trình ăn cơm, H đưa cho C tổng số tiền 8.120.000 đồng gồm tiền mua pháo là 7.400.000đ và tiền chè là 720.000đ. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, C dùng xe máy chở H đi đến nhà C ở V, H1, Đông Hỷ. Khi đến nơi, H điện thoại cho D2 đến đón và đợi ở ngoài cổng còn C vào nhà bê ra 01 thùng hộp cát tông, H kiểm tra thấy trong có 07 giàn pháo hoa, 03 bánh pháo tép và 08 gói chè phủ lên trên. H bê ra để vào cốp xe ô tô của D2 rồi lên xe đi về thị xã Kinh Môn. Khi về đến thị xã Kinh Môn, H điện thoại cho Tuấn để giao pháo, Tuấn chỉ dẫn H đi đến xã Q gặp Tuấn đợi ở rìa đường. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi xe ô tô của D2 chở H đi đến Km13 tỉnh lộ 389B thuộc Miêu Nha, Q, Kinh Môn thì bị Tổ công tác Cảnh sát giao thông thuộc Công an thị xã Kinh Môn phối hợp cùng Công an xã Q kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô biển số 34A- 228.37, trong cốp xe có 01 thùng cát tông, trong có 07 khối hình hộp đều có kích thước 14,5 x 14,5cm, bên ngoài bọc nilong màu đỏ- vàng (niêm phong ký hiệu M1); 03 bánh hình tròn đều có đường kính 19cm, dày 05cm, bên trong mỗi bánh đều chứa các hình trụ tròn có đường kính 0,5cm, dài 2,5cm (niêm phong ký hiệu M2); 08 túi chè. H khai nhận là pháo của H mua hộ Tuấn mang về Kinh Môn giao cho Tuấn. Thu giữ của H 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galxy J4, trong lắp sim thuê bao số 0961.242.368; thu của C giao nộp 01 sim điện thoại thuê bao số 0969.785.171; thu của Nguyễn Văn D2 giao nộp số tiền 1.000.000đ.

Tại Kết luận giám định số 7920/C09-P2 ngày 31/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu vật ký hiệu M1 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ), khối lượng là 10kg. Mẫu vật ký hiệu M2 là pháo nổ, khối lượng là 2,8kg.

Về trách nhiệm dân sự: anh D2 không yêu cầu H phải trả tiền cước thuê xe ô tô.

Đối với 12,8kg pháo nổ thu giữ nêu trên, ngày 16/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn đã tổ chức tiến hành tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 34A- 228.37 thuộc sở hữu của anh Trần Trọng Hiệp, HKTT: Hồ Sếu, Hoàng Hoa Thám, Chí Linh, Hải Dương cho D2 mượn để chở khách. D2 không biết H thuê xe để đi mua bán pháo nên cơ quan điều tra đã trả lại D2 chiếc xe trên.

Đối với chiếc điện thoại C dùng để liên lạc mua bán pháo với H, đã bị hư hỏng, C đã vất đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra Lê Văn H, Trần Cao C đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, cùng các tài liệu liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 27/CT-VKSKM ngày 19/5/2020, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về tội danh: Bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C phạm tội Buôn bán hàng cấm
- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo C.

+ Xử phạt bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo C từ 12 tháng đến 15 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã H1- Đồng Hỷ- Thái Nguyên quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng

b) Biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.400.000đ và số tiền 1.000.000đ.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo H;

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 sim điện thoại thu giữ của bị cáo H và bị cáo C; 01 vỏ thùng cát tông; 08 túi chè.

c) Án phí: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C đều đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, cùng các tài liệu liên quan đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/12/2019 tại khu vực trước cổng nhà Trần Cao C ở V, H1, Đồng Hỷ, Thái Nguyên; Lê Văn H có hành vi mua của

Nguyễn Cao C 07 hộp pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ*), có khối lượng là 10kg và 03 bánh pháo nổ có khối lượng là 2,8kg, tổng khối lượng là 12,8 kg, mục đích mua hộ bạn tên là Tuấn. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, tại Km13 tỉnh lộ 389B thuộc Miêu Nha, Q, Kinh Môn, Hải Dương khi H đang vận chuyển số pháo trên đi giao cho Tuấn thì bị Tổ công tác Cảnh sát giao thông thuộc Công an thị xã Kinh Môn phối hợp cùng Công an xã Q phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng nêu trên. Do vậy, VKSND thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm vào chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, kinh doanh một số loại hàng cấm, ở đây là các loại pháo nổ, có đặc tính nguy hiểm cao, có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của con người, không những vậy còn có khả năng gây mất trật tự an toàn xã hội. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, đều cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi. Trong vụ án Lê Văn H là người đầu mối liên lạc trực tiếp việc mua bán trái phép pháo nổ nên giữ vai trò chính. Bị cáo Trần Cao C giữ vai trò đồng phạm. Do vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Song cũng nên xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H trong quá trình giải quyết vụ án đã tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc phát hiện tội phạm; Bị cáo C đã tự nguyện khắc phục hậu quả sau khi phạm tội. Do vậy, cần xem xét áp dụng cho các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, đối với bị cáo H còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t và bị cáo C còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại b khoản 1 Điều 51 BLHS là phù hợp. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không. Tuy nhiên đối với bị cáo H bị tạm giữ trong vụ án từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 07/4/2020 bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh để xem xét về hành vi “Vận chuyển hàng cấm”, giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Nên dù có xem xét, chiếu cố đến đâu, cũng cần phải buộc bị cáo cách ly xã hội trong thời gian nhất định mới đủ đảm bảo tính giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Đối với bị cáo C, xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xem xét chiếu cố,

không cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án này, đối với người tên là Tuấn sử dụng thuê bao điện thoại số 0366.689.018 để liên lạc với H. Kết quả thu giữ điện tín từ tập đoàn Công nghiệp viễn thông quân đội xác định chủ thuê bao đăng ký mang tên Nguyễn Thị L2, sinh năm 1980, địa chỉ: T, L3, Thanh Trì, Hà Nội. Kết quả xác minh tại Công an xã Liên Minh xác định chưa tìm thấy nơi ở cụ thể của chị L2 và gia đình nên Cơ quan điều tra không làm việc được; tiến hành rà soát tại xã Q xác định không có người nào tên là Tuấn có đặc điểm như H mô tả. Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn D2 có hành vi điều khiển xe ô tô chở H nh D2 không biết là H thuê xe để đi mua bán pháo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn không xử lý đối với D2.

Đối với Lê Văn H còn thực hiện hành vi phạm tội Vận chuyển hàng cấm tại địa bàn thành phố Chí Linh, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam để điều tra theo thẩm quyền.

[3] Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định song xét các bị cáo đều lao động tự do không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 4 Điều 190 BLHS đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra hiện thu giữ quản lý của H 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4, trong lắp sim thuê bao số 0961.242.368; thu của C giao nộp 01 sim điện thoại thuê bao số 0969.785.171; thu của Nguyễn Văn D2 giao nộp số tiền 1.000.000đ; 08 túi chè; 01 thùng cát tông và số tiền 7.400.000đ C tự nguyện giao nộp trước Quyết định thi hành án.

Tại phiên tòa, H tự nguyện đề nghị cho tiêu hủy 08 túi chè; 01 thùng cát tông. Xét đây là sự tự nguyện của H, nên cần chấp nhận. Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4, trong lắp sim thuê bao số 0961.242.368 là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước; Đối với 01 sim điện thoại thuê bao số 0969.785.171 cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 1.000.000đ do Nguyễn Văn D2 giao nộp là tiền công H thuê xe, D2 không lấy, tại phiên tòa H đề nghị sung quỹ Nhà nước và số tiền 7.400.000đ là do thu lời bất chính mà có, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm s,t khoản 1 Điều 51; Điều 17,58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn H.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Cao C.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Về hình phạt: Xử phạt :

- Bị cáo Lê Văn H 15 tháng tù (được trừ đi 03 ngày tạm giữ, từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020), bị cáo H còn phải chấp hành 14 tháng 27 ngày tù, thời hạn được tính kể từ ngày thi hành án.

- Bị cáo Trần Cao C 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Cao C về UBND xã H1, Đồng Hỷ, Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy 08 túi chè; 01 thùng cát tông; 01 sim điện thoại thuê bao số 0969.785.171. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4, trong lắp sim thuê bao số 0961.242.368. Tịch thu số tiền 1.000.000đ và 7.400.000đ sung quỹ Nhà nước.

(Đều được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn H và Trần Cao C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: □n xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo. Tòa án báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 24 tháng 6 năm 2020
Tại: Phòng nghị án TAND thị xã Kinh Môn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tín.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm 1988. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: N, C1, Cẩm Giàng, Hải Dương.

2. Trần Cao C, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: V, H1, Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

[1] Vụ án không thuộc trường hợp phải tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[2] Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[3] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 03/03

[4] Về nội dung:

4.1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm s,t khoản 1 Điều 51; Điều 17,58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn H.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17,58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Cao C.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Trần Cao C phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.3. Về hình phạt: Xử phạt :

- Bị cáo Lê Văn H 15 tháng tù (được trừ đi 03 ngày tạm giữ, từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020), bị cáo H còn phải chấp hành 14 tháng 27 ngày tù, thời hạn được tính kể từ ngày thi hành án.

- Bị cáo Trần Cao C 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Cao C về UBND xã H1, Đồng Hỷ, Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.4. Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu tiêu hủy 08 túi chè; 01 thùng cát tông; 01 sim điện thoại thuê bao số 0969.785.171. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4, trong lắp sim thuê bao số 0961.242.368. Tịch thu số tiền 1.000.000đ và 7.400.000đ sung quỹ Nhà nước.

(Đều được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

Kết quả biểu quyết 03/03.

4.5. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn H và Trần Cao C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 24 tháng 06 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dựng – Đinh Thị Tin

Nguyễn Thị Hiền

